

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2025/DS-ST

Ngày: 24-9-2025

V/v Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc .

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Phó
- Bà Đặng Thụy Thùy Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Duy Ngọc Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1970;

HKTT: ấp A, xã T1, huyện TP, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp A, xã TP 2, tỉnh Đồng Tháp).

Chỗ ở: ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp B, xã B1, tỉnh Đồng Tháp)

- Bị đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972;

2/ Ông Cao Thanh H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp B, xã B1, tỉnh Đồng Tháp).

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Tú T, sinh năm 1999

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp D, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

(bà C và bà L có mặt; ông H và chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn khởi kiện, B tự khai cùng ngày 10 tháng 4 năm 2025 và quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày như sau:

Do mối quan hệ quen biết, vợ chồng ông Cao Thanh H và bà Nguyễn Thị L có vay của bà nhiều lần cụ thể như sau:

1/ Lần 1: Vào ngày 23/7/2021, bà có cho vợ chồng ông H, bà L vay số tiền 58.000.000đồng, hai bên có làm biên nhận là Giấy mượn tiền ngày 23/7/2021. Cùng vào ngày 26/8/2021, ông H và bà L vay tiếp số tiền lần lượt là 7.400.000đồng, 12.000.000đồng và 18.000.000đồng nhưng không làm biên nhận riêng mà viết thêm vào Giấy mượn tiền ngày 23/7/2021.

2/ Lần 2: Ngày 12/3/2024, bà L có vay thêm của bà số tiền 124.350.000đồng và số tiền 75.000.000đồng tiền bà C hốt hụi, tổng cộng là 199.350.000đồng. Hai bên lập biên nhận là Giấy mượn tiền ngày 12/3/2024.

Các lần vay trên là vay không có lãi, không thỏa thuận thời hạn trả. Sau đó, bà yêu cầu bà L trả tiền thì bà L và ông H hứa sau khi bán đất sẽ trả cho bà L hết số tiền nợ trên nhưng đến nay không thực hiện.

Do đó, bà yêu cầu bà L và ông H phải trả cho bà số tiền 95.400.000đồng cùng tiền lãi phát sinh theo lãi suất 0,83%/tháng, tạm tính từ ngày 23/7/2021 đến ngày 23/4/2025 thành tiền là 35.631.900đồng, tổng cộng là 131.031.900đồng, yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật; yêu cầu bà L phải trả số tiền 199.350.000đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng, tạm tính từ ngày 12/3/2024 đến ngày 12/5/2025 thành tiền là 23.164.470đồng, tổng cộng là 222.514.470đồng, yêu cầu thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị C thay đổi ý kiến trình bày như sau:

Bà và bà L là bạn bè thân thiết nên khi bà L cần tiền bà đã lấy tiền cá nhân và mượn tiền người khác cho bà L mượn cụ thể như sau:

Vào ngày 23/7/2021, bà có cho bà L mượn số tiền 58.000.000đồng, bà L có ký Giấy mượn tiền cùng ngày (giấy này theo mẫu, con gái bà là Nguyễn Thị Tú T điền thông tin). Trong Giấy mượn tiền này, bà L ký tên trước mặt bà, còn chữ ký của Cao Thanh H chồng bà L là do bà L đem giấy về nhà cho ông H ký tên và sau đó đưa lại cho bà giữ. Đến ngày 26/8/2021, bà L mượn tiếp 03 lần số tiền là 7.400.000đồng, 12.000.000đồng và 18.000.000đồng nhưng không viết biên nhận riêng mà viết thêm vào biên nhận ngày 23/7/2021 nêu trên. Đoạn chữ “26/8 có lấy 7.400.000đồng” do chị Nguyễn Thị Tú T viết thêm còn các đoạn chữ “+12.000.000 và + 18.000.000” do bà L tự viết. Khi ông H và bà L ký tên, biên nhận chưa viết các đoạn chữ viết thêm.

Sau đó, bà có cho bà L mượn thêm nhiều lần đến ngày 12/3/2024 âm lịch, bà

L và chị tổng kết nợ có sự chứng kiến của chị Nguyễn Thị Tú T. Hai bên chốt bà L còn nợ bà số tiền 124.350.000đồng và lập lại Giấy mượn tiền ngày 12/3/2024 âm lịch. Nội dung điền thông tin theo mẫu tại mục 1 và 2 về thông tin của 2 bên do chị T viết, đoạn thông tin số tiền bằng số và chữ do bà L tự viết. Giấy này không có ông H ký tên do bà L nói ông H không có ở nhà. Khi lập Giấy mượn tiền ngày 12/3/2024 âm lịch, bà L có hứa miệng khi nào bán nhà sẽ trả lại cho bà.

Đến tháng 8/2024, bà L nhờ bà bảo lãnh chơi 02 phần hụi 2.000.000đồng, 03 phần hụi 1.000.000đồng mà bà L chơi của chủ hụi tên T1 (là em dâu bà), người đứng tên chơi là bà L. Bà L đã hốt các dây hụi này và có đóng lại một phần sau đó thì ngưng. Do là người bảo lãnh nên bà có đóng hụi thay cho bà L tổng số tiền là 75.000.000đồng nên bà L viết thêm vào tờ Giấy mượn tiền ngày 12/3/2024 âm lịch đoạn chữ “cộng + 75 triệu tiền hụi). Đến nay các phần hụi này đã mãn nhưng bà L không trả cho bà.

Các khoản vay trên là vay không có lãi, không xác định thời hạn nhưng sau khi bà L không đóng tiền hụi nên bà đã nhiều lần yêu cầu bà L trả tiền nhưng bà L không trả mà còn thách thức bà khởi kiện. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà L phải trả cho bà các khoản nợ nêu trên.

* Trong Bản tự khai không ghi ngày tháng, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày như sau: Bà và bà Lê Thị C là bạn bè thân thiết. Bà C làm chủ hụi và cho vay tiền. Vào năm 2018, bà có vay của bà C 10.000.000đồng trả dần hàng ngày mỗi ngày trả 500.000đồng trả vốn, lãi trong vòng 25 ngày. Tuy nhiên, bà làm ăn không thuận lợi còn nợ lại một số tiền nên bà C cộng dồn các khoản nợ trước và cho bà vô hụi nhưng số tiền hốt hụi lại trừ vào tiền lãi của số tiền vay nợ trước đó nên bà không có nhận được số tiền hốt hụi. Đến năm 2021, bà không còn khả năng đóng lãi tiếp nên hai bên tổng kết nợ, bà C tính bà còn nợ số tiền tổng cộng là 124.350.000đồng và bà có ký tên trong Biên nhận nợ ngày 12/3/2024 âm lịch mà bà C đã nộp cho Tòa án. Giấy này bà có ký tên nhưng do người khác viết. Khi ký tên, trong giấy không có đoạn chữ “75 triệu tiền hụi”.

Bà xác định, bà chỉ nợ bà C 124.350.000đồng nhưng số tiền này là vốn và lãi cộng vào. Bà không xác định được vốn và lãi là bao nhiêu. Nay, bà chỉ đồng ý trả cho bà C 90.000.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ vì hiện nay hoàn cảnh của bà rất khó khăn. Hai bên giao nhận tiền mặt, không có làm giấy tờ.

Khoản nợ trên là khoản nợ riêng của cá nhân bà, không liên quan đến ông H. Bên nhận ngày 23/7/2021 đã nhập chung biên nhận năm 2024 nêu trên nên bà không còn nợ tiền của biên nhận này. Chữ ký của ông H là do bà tự ký.

* Đối với bị đơn ông Cao Thanh H: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm .

* Trong Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 01 tháng 8 năm 2025, người làm chứng chị Nguyễn Thị Tú T trình bày như sau:

Chị là con của bà Lê Thị Cẩm . Mẹ chị và bà Nguyễn Thị L là bạn bè thân thiết. Việc vay mượn tiền bạc giữa mẹ chị và bà Nguyễn Thị L như thế nào chị không biết do chị bận đi làm.

Vào ngày 23/7/2021 âm lịch, mẹ chị có cho bà L mượn số tiền 58.000.000đồng, chị có viết Giấy mượn tiền giúp hai bên. Khi đó, bà L ký tên và đem giấy về nhà cho ông Cao Thanh H ký tên sau đó đem giấy giao lại cho mẹ chị giữ. Đến ngày 26/8/2021, mẹ chị cho bà L mượn tiếp số tiền 7.400.000đồng và chị có viết thêm đoạn chữ “26/8 có lấy 7.400.000đồng”, còn các đoạn “+12.000.000 và + 18.000.000” do bà L tự viết. Giấy mượn tiền này mẹ chị đã nộp cho tòa án.

Sau đó, đến năm 2024, mẹ chị nói cho chị biết mẹ chị có cho bà L mượn rất nhiều tiền. Lúc đó, chị hẹn bà L và mẹ chị gặp mặt tính toán tiền bà L nợ mẹ chị. Hai bên chốt nợ, bà L còn nợ mẹ chị số tiền là 124.350.000đồng. Sau khi thống nhất số tiền nợ, chị có viết thông tin tại mục 1 và 2 của Giấy mượn tiền ngày 12/3/2024 âm lịch còn thông tin số tiền là 124.350.000đồng và số tiền ghi bằng chữ là do bà L tự viết và ký tên. Mẹ chị có yêu cầu ông Cao Thanh H chồng bà L ký tên xác nhận nợ nhưng bà L nói ông H không về nhà. Đoạn chữ “Cộng + 75 triệu tiền hui” là tiền hui mẹ chị cho mượn sau này chị không biết. Chị có ký tên người làm chứng.

Chị xác định mẹ chị cho bà L mượn tiền không có lãi suất, không có thời hạn. Sau này, mẹ chị cần tiền đòi bà L trả thì bà L không trả. Nay, qua yêu cầu khởi kiện của mẹ chị, chị không có ý kiến gì, tùy mẹ chị quyết định.

* Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Lê Thị C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông H phải liên đới cùng bà L trả nợ, không yêu cầu bà L phải trả số tiền 95.400.000đồng của Biên nhận ngày 23/7/2021 âm lịch, không yêu cầu tính lãi của các khoản vay; rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà L trả số tiền 75.000.000đồng tiền hui của Giấy mượn tiền ngày 12/3/2024 âm lịch. Nguyên đơn bà C và bà L thống nhất thỏa thuận bà L trả cho bà C số tiền 124.350.000đồng theo phương thức trả dần mỗi tháng 1.200.000đồng vào ngày 03 hàng tháng, bắt đầu trả vào ngày 03/11/2025 cho đến khi hết nợ.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền hui 75.000.000đồng và đề nghị công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn bà L tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Cao Thanh H đã được triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện gồm không yêu cầu ông H phải liên đới cùng bà L trả nợ, không yêu cầu bà L phải trả số tiền 95.400.000đồng của Biên nhận ngày 23/7/2021 âm lịch, không yêu cầu tính lãi của các khoản vay; rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà L trả số tiền 75.000.000đồng tiền hui của Giấy mượn tiền ngày 12/3/2024 âm lịch. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên và chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày thống nhất với nhau như sau: Bà Lê Thị C và bà Nguyễn Thị L là bạn bè thân thiết nên bà C cho bà L vay tiền nhiều lần. Đến ngày 12/3/2024 âm lịch, hai bên tổng kết nợ, bà L còn nợ bà C số tiền 124.350.000đồng và lập Giấy mượn tiền cùng ngày. Nội dung điền thông tin theo mẫu tại mục 1 và 2 về thông tin của 2 bên do chị Nguyễn Thị Tú T viết. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nguyên đơn trình bày nêu trên là sự thật. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 124.350.000đồng.

[2.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị C và bị đơn bà Nguyễn Thị L thống nhất thỏa thuận bà L trả cho bà C số tiền 124.350.000đồng theo phương thức trả dần mỗi tháng 1.200.000đồng vào ngày 03 hàng tháng, bắt đầu trả vào ngày 03/11/2025 cho đến khi hết nợ. Xét thấy, sự thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận này giữa bà C và bà L.

[2.3] Về tiền lãi chậm trả do bị đơn đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi vi phạm thỏa thuận đến ngày xét xử và vấn đề bồi thường thiệt hại, nguyên đơn

không yêu cầu các bị đơn phải trả nên Hội đồng xét xử ghi nhận bị đơn không phải trả các khoản lãi này.

[3] Về tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự nên lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi nguyên đơn có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị C đối với yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền hui 75.000.000đồng được ghi trong Giấy mượn tiền ngày 12/3/2024 âm lịch giữa bên mượn là Nguyễn Thị L với bên cho mượn là Lê Thị Cẩm .

2/ Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn bà Lê Thị C với bị đơn bà Nguyễn Thị L như sau:

Bị đơn bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị C số tiền là 124.350.000đồng (một trăm hai mươi bốn triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng), thực hiện theo phương thức trả dần mỗi tháng 1.200.000đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng), trả vào ngày 03 hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 03/11/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Nếu bị đơn bà Nguyễn Thị L vi phạm số tiền và thời gian trả nợ theo thỏa thuận trên thì bà Lê Thị C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành một lần toàn bộ số tiền còn nợ lại, đồng thời tính lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thực hiện.

3/ Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu 6.217.500đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Thị C 8.103.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012910 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

4/ Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSNDKV3-ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Huỳnh Trúc